TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HS-ST

Ngày 15 - 01 - 2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Nhiễu.

Ông Nguyễn Thanh Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Đạt, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 81/2019/TLST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2019/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 12 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐ-HPT ngày 10 tháng 01 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Bị cáo **Ngô Văn Ch**, sinh ngày 04 tháng 6 năm 1979 tại Thái Bình; nơi cư trú: Thôn LS, xã SA, huyện V, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn Tr (đã chết) và bà Đỗ Thị C; có vợ là Lê Thị C1; có 03 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ từ ngày 13 tháng 9 năm 2019 đến ngày 17 tháng 9 năm 2019 được thay thế biện pháp tạm giữ bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; hiện tại ngoại. (có mặt)

2. Bị cáo **Đỗ Văn Ch1**, sinh ngày 10 tháng 02 năm 1974 tại Thái Bình; nơi cư trú: Thôn KX, xã NX, huyện V, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Minh Th (đã chết) và bà Nguyễn Thị Ch2; có vợ là Trần Thị T; có 04 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ từ ngày 13 tháng 9 năm 2019 đến ngày 17 tháng 9 năm 2019 được thay thế biện pháp tạm giữ bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; hiện tại ngoại. (có mặt)

3. Bị cáo **Nguyễn Văn S**, sinh ngày 11 tháng 3 năm 1981 tại Thái Bình; nơi cư trú: Thôn KX, xã NX, huyện V, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Hoàng Thị Th1; có vợ là Bùi Thị Nh; có 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ từ ngày 13 tháng 9 năm 2019 đến ngày 17 tháng 9 năm 2019 được thay thế biện pháp tạm giữ bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; hiện tại ngoại. (có mặt)

4. Bị cáo **Bùi Văn Tr1**, sinh ngày 18 tháng 4 năm 1980 tại Thái Bình; nơi cư trú: Thôn KX, xã NX, huyện V, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn N (đã chết) và bà Vũ Thị Nh1; có vợ là Lương Thị Th2; có 03 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ từ ngày 13 tháng 9 năm 2019 đến ngày 17 tháng 9 năm 2019 được thay thế biện pháp tạm giữ bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; hiện tại ngoại. (có mặt)

5. Bị cáo **Phạm Văn S1**, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1983 tại Thái Bình; nơi cư trú: Thôn AP, xã SA, huyện V, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn B và bà Đỗ Thị B1; có vợ là Vũ Thị Thúy H1; có 03 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ từ ngày 13 tháng 9 năm 2019 đến ngày 17 tháng 9 năm 2019 được thay thế biện pháp tạm giữ bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; hiện tại ngoại. (có mặt)

6. Bị cáo **Nguyễn Văn T1**, sinh ngày 01 tháng 10 năm 1979 tại Thái Bình; nơi cư trú: Thôn KX, xã NX, huyện V, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thế M và bà Phạm Thị Ch3; có vợ là Đỗ Thị Thúy H2; có 03 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Từ tháng 02 năm 2000 đến tháng 02 năm 2002 tham gia nghĩa vụ quân sự tại TĐ101, SĐ 325, QĐ 2, tỉnh Bắc Giang; bị bắt, tạm giữ từ ngày 13 tháng 9 năm 2019 đến ngày 17 tháng 9 năm 2019 được thay thế biện pháp tạm giữ bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; hiện tại ngoại. (có mặt)

7. Bị cáo **Nguyễn Ngọc Qu**, sinh ngày 29 tháng 01 năm 1973 tại Thái Bình; nơi cư trú: Thôn KX, xã NX, huyện V, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn R và bà Phạm Thị T2; có vợ là Phạm Thị H3; có 03 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ từ ngày 13 tháng 9 năm 2019 đến ngày 17 tháng 9 năm 2019 được thay thế biện pháp tạm giữ bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; hiện tại ngoại. (có mặt)

8. Bị cáo **Đoàn Văn D**, sinh ngày 01 tháng 10 năm 1970 tại Thái Bình; nơi cư trú: Thôn NGX, xã NX, huyện V, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn Ch4 và bà Đỗ Thị M1; có vợ là Nguyễn Thị L; có 03 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ từ ngày 13 tháng 9 năm 2019 đến ngày 17 tháng 9 năm 2019 được thay thế biện pháp tạm giữ bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; hiện tại ngoại. (có mặt)

9. Bị cáo **Bùi Ngọc Tr2**, sinh ngày 08 tháng 11 năm 1975 tại Thái Bình; nơi cư trú: Thôn KX, xã NX, huyện V, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn L1 (liệt S) và bà Nguyễn Thị L2; có vợ là Đặng Thị Th3; có 05 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ từ ngày 13 tháng 9 năm 2019 đến ngày 17 tháng 9 năm 2019 được thay thế

biện pháp tạm giữ bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; hiện tại ngoại. (có mặt)

10. Bị cáo **Nguyễn Văn Th4**, sinh ngày 20 tháng 3 năm 1966 tại Thái Bình; nơi cư trú: Thôn NGX, xã NX, huyện V, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn R1 (đã chết) và bà Cao Thị Th5; có vợ là Hoàng Thị Nh2; có 2 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 11/2016/HSST ngày 10 tháng 3 năm 2016 Tòa án nhân dân huyện V, T1 Thái Bình xử phạt 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ và phạt bổ sung 3.000.000 đồng về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự; bị bắt, tạm giữ từ ngày 13 tháng 9 năm 2019 đến ngày 17 tháng 9 năm 2019 được thay thế biện pháp tạm giữ bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; hiện tại ngoại. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Ông Bùi Văn Tr3, sinh năm 1967 và vợ là bà Nguyễn Thị Tr4, sinh năm 1962; đều cư trú tại địa chỉ: Thôn KX, xã NX, huyện V, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 12 tháng 9 năm 2019, Nguyễn Ngọc Qu, Đỗ Văn Ch1, Bùi Văn Tr1, Nguyễn Văn T1 đến nhà ông Bùi Văn Tr3 ở thôn KX, xã NX, huyện V, tỉnh Thái Bình ăn liên hoan Tết Trung thu. Khoảng 21 giờ 15 phút cùng ngày, Ngô Văn Ch, Phạm Văn S1, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn Th4 và Đoàn Văn D đến nhà ông Tr3 cùng vào uống rượu. Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, ông Tr3 đi ngủ, Bùi Văn Tr1 và Nguyễn Văn T1 đi ra khu vực cắm trại trung thu chơi. Lúc này, Nguyễn Ngọc Qu, Đỗ Văn Ch1, Ngô Văn Ch, Phạm Văn S1, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn Th4 và Đoàn Văn D cùng rủ nhau đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức đánh "Liêng" tại gian buồng nhà ông Tr3 và S1 dụng chiếu cói, bộ bài tú lơ khơ 52 quân có sẵn tại nhà ông Tr3 để đánh bạc và thống nhất luật chơi như sau: Trước khi bắt đầu ván chơi,

mỗi người chơi đặt 20.000 đồng để vào tẩy (tiền gà). Người chia bài là chủ khi chơi lần đầu tiên. Còn những lần tiếp theo là những người thắng ván trước là người chia bài. Người chia bài S1 dụng bộ bài tú lơ khơ 52 quân chia mỗi người 3 quân bài. Người chơi cầm bài lên xem. Người chia bài sẽ là người đầu tiên sẽ được quyền tố trước tức là đặt vào tẩy một số tiền nhất định với mức tố thấp nhất là 20.000 đồng, mức tố cao nhất là 200.000 đồng hoặc chuyển cho người kế tiếp (tức là không tố) hoặc bỏ bài, lần lượt tính theo chiều ngược kim đồng hồ. Những người chơi kế tiếp có thể theo bài, tố thêm, hoặc bỏ bài không theo. Nếu người trước đã tố thì người liền sau không còn quyền chuyển (chỉ có quyền theo, tố thêm hoặc bỏ bài). Nếu người chơi muốn "theo bài" thì sẽ đặt vào tẩy một số tiền bằng số tiền người tố trước gần nhất. Người chơi muốn "tố thêm" trước tiên người chơi phải "theo bài" rồi sau đó mới được tố thêm bằng cách đặt vào tẩy một số tiền để tố. Người chơi úp bài "không theo" thì sẽ mất tiền gà đã đặt vào tẩy. Tất cả những người theo và người tố sẽ so bài to nhỏ để tìm ra người thắng. Khoảng 15 phút sau, Bùi Văn Tr1, Bùi Ngọc Tr2 đến nhà ông Tr3 thấy Ch, S1, S, Qu, Ch1, Th4, D đang đánh bạc nên cả hai vào chơi cùng. Khoảng 10 phút sau, Nguyễn Văn T1 đến nhà ông Tr3, thấy các đối tượng đang đánh bạc nên cùng vào tham gia chơi. Cả nhóm đánh bạc đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 13 tháng 9 năm 2019 thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, tỉnh Thái Bình phát hiện bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc số tiền 7.010.000 đồng, thu trên người các đối tượng đánh bạc số tiền 13.350.000 đồng, 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân và 01 chiếu cói.

Tại cơ quan điều tra, Ngô Văn Ch, Đỗ Văn Ch1, Nguyễn Văn S, Bùi Văn Tr1, Phạm Văn S1, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Ngọc Qu, Đoàn Văn D, Bùi Ngọc Tr2, Nguyễn Văn Th4 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và khai nhận số tiền mang theo, số tiền S1 dụng đánh bạc, việc thua, thắng, như sau: Ngô Văn Ch mang theo 4.000.000 đồng sử dụng toàn bộ để đánh bạc, khi đánh bạc, Ch bỏ ra trước 1.500.000 đồng, quá trình đánh bạc không rõ thắng, thua, khi bị bắt, bị quản lý trên người 2.500.000 đồng. Đỗ Văn Ch1 mang theo 2.150.000 đồng sử dụng toàn bộ để đánh bạc, khi đánh bạc Ch1 bỏ ra trước 50.000 đồng, quá trình đánh bạc không rõ thắng, thua, khi bị bắt, bị quản lý trên

người 2.100.000 đồng. Nguyễn Văn S mang theo 2.120.000 đồng sử dụng toàn bộ để đánh bạc, khi đánh bạc, S bỏ ra trước 120.000 đồng, quá trình đánh bạc không rõ thắng, thua, khi bị bắt, bị quản lý trên người 2.000.000 đồng. Bùi Văn Tr1 mang theo 2.000.000 đồng sử dụng toàn bộ để đánh bạc, quá trình đánh bạc không rõ thắng, thua, khi bị bắt, bị quản lý trên người 2.000.000 đồng. Phạm Văn S1 mang theo 1.700.000 đồng sử dụng toàn bộ để đánh bạc, khi đánh bạc S1 bỏ ra trước 200.000 đồng, quá trình đánh bạc không rõ thắng, thua, khi bị bắt, bị quản lý trên người 1.500.000 đồng. Nguyễn Văn T1 mang theo 3.370.000 đồng, bỏ ra và sử dụng 520.000 đồng để đánh bạc, quá trình đánh bạc không rõ thắng, thua, khi bị bắt, bị quản lý trên người 2.850.000 đồng (là tiền quỹ thu liên hoan Tết Trung thu, không dùng vào mục đích đánh bạc). Nguyễn Ngọc Qu mang theo 460.000 đồng sử dụng toàn bộ để đánh bạc, khi đánh bạc, Qu bỏ ra trước 60.000 đồng, quá trình đánh bạc không rõ thắng, thua, khi bị bắt, bị quản lý trên người 400.000 đồng. Đoàn Văn D mang theo 400.000 đồng sử dụng toàn bộ để đánh bạc, quá trình đánh bạc không rõ thắng, thua, khi bị bắt không bị quản lý tiền. Bùi Ngọc Tr2 mang theo 400.000 đồng sử dụng toàn bộ để đánh bạc, quá trình đánh bạc không rõ thắng, thua, khi bị bắt không bị quản lý tiền. Nguyễn Văn Th4 mang theo 150.000 đồng sử dụng toàn bộ để đánh bạc, quá trình đánh bạc không rõ thắng, thua, khi bị bắt không bị quản lý tiền. Quá trình đánh bạc, không có người canh coi, không có người cho vay, cầm cố tài sản để đánh bạc.

Cáo trạng số 82/CT-VKSVT ngày 29 tháng 11 năm 2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình để xét xử đối với Ngô Văn Ch, Đỗ Văn Ch1, Nguyễn Văn S, Bùi Văn Tr1, Phạm Văn S1, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Ngọc Qu, Đoàn Văn D, Bùi Ngọc Tr2, Nguyễn Văn Th4 về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Ngô Văn Ch, Đỗ Văn Ch1, Nguyễn Văn S, Bùi Văn Tr1, Phạm Văn S1, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Ngọc Qu, Đoàn Văn D, Bùi Ngọc Tr2, Nguyễn Văn Th4 đều khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản

Cáo trạng đã nêu; đại diện Viện kiểm sát nhân dân giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố: Ngô Văn Ch, Đỗ Văn Ch1, Nguyễn Văn S, Bùi Văn Tr1, Phạm Văn S1, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Ngọc Qu, Đoàn Văn D, Bùi Ngọc Tr2, Nguyễn Văn Th4 phạm tội "Đánh bạc".

2. Về hình phạt chính:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt Ngô Văn Ch mức án từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt Đỗ Văn Ch1, Nguyễn Văn S, Bùi Văn Tr1, Phạm Văn S1 từ 09 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự (bị cáo T1, Qu được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự) xử phạt Nguyễn Văn T1, Nguyễn Ngọc Qu, Đoàn Văn D từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, x khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 36 Bộ luật Hình sự xử phạt Bùi Ngọc Tr2 từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi 04 ngày bị tạm giữ từ 13 tháng 9 năm 2019 đến 17 tháng 9 năm 2019, tính bằng 12 ngày cải tạo không giam giữ. Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Th4 mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Bị cáo được trừ 04 ngày tạm giữ từ 13 tháng 9 năm 2019 đến 17 tháng 9 năm 2019.

3. Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Ngô Văn Ch từ 10.000.000 đến 15.000.000 đồng; xử phạt các bị cáo Đỗ Văn Ch1, Nguyễn Văn S, Bùi Văn Tr1, Phạm Văn S1, Nguyễn Văn T1, Nguyễn

Ngọc Qu, Đoàn Văn D, Bùi Ngọc Tr2, Nguyễn Văn Th4 từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân và 01 chiếu cói. Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 17.510.000 đồng là tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc. Trả cho bị cáo Nguyễn Văn T1 2.850.000 đồng là tiền của bị cáo không sử dụng vào việc đánh bạc.

5. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Các bị cáo Ngô Văn Ch, Đỗ Văn Ch1, Nguyễn Văn S, Bùi Văn Tr1, Phạm Văn S1, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Ngọc Qu, Đoàn Văn D, Bùi Ngọc Tr2, Nguyễn Văn Th4 đồng ý với tội danh Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình đã truy tố và không có ý kiến tranh luận đối với bản luận tội của Kiểm sát viên.

Các bị cáo Ngô Văn Ch, Đỗ Văn Ch1, Nguyễn Văn S, Bùi Văn Tr1, Phạm Văn S1, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Ngọc Qu, Đoàn Văn D, Bùi Ngọc Tr2, Nguyễn Văn Th4 nói lời sau cùng: Đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, tạo điều kiện để các bị cáo tự cải tạo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Ngô Văn Ch, Đỗ Văn Ch1, Nguyễn Văn S, Bùi Văn Tr1, Phạm Văn S1, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Ngọc Qu, Đoàn Văn D, Bùi Ngọc Tr2, Nguyễn Văn Th4 thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội

như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và còn được chứng minh bằng vật chứng của vụ án đã thu giữ được. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 12 tháng 9 năm 2019 tại nhà ông Bùi Văn Tr3 ở thôn KX, xã NX, huyện V, tỉnh Thái Bình, Ngô Văn Ch, Đỗ Văn Ch1, Nguyễn Văn S, Bùi Văn Tr1, Phạm Văn S1, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Ngọc Qu, Đoàn Văn D, Bùi Ngọc Tr2, Nguyễn Văn Th4 cùng nhau thực hiện hành vi đánh bạc sát phạt bằng tiền bằng hình thức đánh "Liêng" bằng bộ bài tú lơ khơ 52 quân đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 13 tháng 9 năm 2019 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, tỉnh Thái Bình phát hiện, bắt quả tang. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 17.510.000 đồng, trong đó thu trên chiếu bạc số tiền 7.010.000 đồng, thu trong người các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 10.500.000 đồng (trong đó thu của Ch 2.500.000 đồng, Ch1 2.100.000 đồng, S 2.000.000 đồng, Tr1 2.000.000 đồng, S1 1.500.000 đồng, Qu 400.000 đồng) và 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếu cói. Theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự thì: "*Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có giá trị từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm"*. Hành vi trên của các bị cáo Ngô Văn Ch, Đỗ Văn Ch1, Nguyễn Văn S, Bùi Văn Tr1, Phạm Văn S1, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Ngọc Qu, Đoàn Văn D, Bùi Ngọc Tr2, Nguyễn Văn Th4 đã phạm vào tội "Đánh bạc", tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

[3] Đánh giá về tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo, thấy: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự công cộng, mà trực tiếp là xâm phạm đến nếp sống văn minh bởi đánh bạc là tệ nạn xã hội, hành vi đó không chỉ ảnh hưởng về mặt kinh tế của nhiều cá nhân,

gia đình mà còn ảnh hưởng đến trật tự an ninh xã hội, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tính chất, mức độ, hậu quả do mình thực hiện nhưng chỉ vì sự ham vui, ham muốn vật chất nhất thời mà các bị cáo đã cố ý thực hiện tội phạm.

[4] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công từ trước nhưng để có hình phạt phù hợp, cần phân hóa vai trò từng bị cáo trong vụ án, thấy: Ngô Văn Ch đánh bạc ngay từ đầu, sử dụng số tiền đánh bạc cao nhất, do đó Ch giữ vai trò chính, vai trò thứ nhất trong vụ án. Đỗ Văn Ch1, Nguyễn Văn S, Bùi Văn Tr1, Phạm Văn S1 sử dụng số tiền đánh bạc lần lượt từ 2.150.000 đồng, 2.120.000 đồng, 2.000.000 đồng, 1.700.000 đồng do đó xác định các bị cáo giữ vai trò thứ hai trong vụ án. Nguyễn Văn T1, Nguyễn Ngọc Qu, Đoàn Văn D, Bùi Ngọc Tr2, Nguyễn Văn Th4 sử dụng số tiền đánh nhỏ, lần lượt từ 520.000 đồng, 460.000 đồng, 400.000 đồng, 150.000 đồng, do đó xác định các bị cáo giữ vai trò thứ ba trong vụ án.

[5] Đánh giá về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, thấy: Các bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Ngô Văn Ch, Đỗ Văn Ch1, Nguyễn Văn S, Bùi Văn Tr1, Phạm Văn S1, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Ngọc Qu, Đoàn Văn D, Bùi Ngọc Tr2 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, do đó các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Phạm Văn Th4 trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bùi Ngọc Tr2 là con của liệt S nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Nguyễn Văn T1, Nguyễn Ngọc Qu đều có thời gian tham gia quân đội nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, thấy: Ngô Văn Ch, Đỗ Văn Ch1,

Nguyễn Văn S, Bùi Văn Tr1, Phạm Văn S1, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Ngọc Qu, Đoàn Văn D đều có nhân thân tốt, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú cụ thể rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, việc cho các bị cáo được hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, do đó cần áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách, giao cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát giáo dục là phù hợp. Bùi Ngọc Tr2 cũng có nhân thân tốt, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú cụ thể rõ ràng, bị cáo là con liệt S và nằm trong nhóm bị cáo có vai trò thấp nhất trong vụ án do đó cần áp dụng Điều 36 Bộ luật Hình sự áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra và cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo đối với bị cáo đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Bị cáo Triều làm nghề lao động tự do, thu nhập không ổn định, kinh tế gia đình khó khăn nên miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo. Nguyễn Văn Th4 đã bị kết án 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc" vào năm 2016, theo quy định của pháp luật bản án trên đã được xóa án tích nhưng cần đánh giá bị cáo có nhân thân xấu, bị cáo không tiếp thu sự giáo dục của pháp luật, không lấy đó làm bài học nghiêm túc cải tạo bản thân, nay tiếp tục phạm tội đánh bạc, do đó cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn mới có tác dụng răn đe, cải tạo, giáo dục đối với bị cáo.

[7] Khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự quy định*: "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng"*. Xét thấy, các bị cáo đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền, do đó cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền với mức như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa để sung vào ngân sách nhà nước là phù hợp.

[8] Về xử lý vật chứng: Theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

[8.1] Số tiền 17.510.000 đồng cơ quan điều tra đã quản lý gồm 7.010.000 đồng thu trên chiếu bạc và 10.500.000 đồng thu trong người các bị cáo là tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc, cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[8.2] Đối với 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân thu giữ trên chiếu bạc và 01 chiếu cói có kích thước (2,1 x 1,6)m là tài sản của ông Bùi Văn Tr3 và vợ là bà Nguyễn Thị Tr4. Quá trình điều tra xác định là công cụ phạm tội của các bị cáo, hiện không còn giá trị sử dụng, ông Tr3, bà Tr4 cũng không có yêu cầu nhận lại, do đó cần tịch thu tiêu hủy.

[8.3] Số tiền 2.850.000 đồng quản lý của Nguyễn Văn T1, quá trình điều tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội do đó trả lại cho bị cáo nhưng cần tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

[9] Đối với ông Bùi Văn Tr3 và vợ là bà Nguyễn Thị Tr4 là chủ nhà nơi các bị cáo thực hiện hành vi đánh bạc. Quá trình điều tra xác định ông Tr3, bà Tr4 không biết, không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên cơ quan điều tra không có biện pháp xử lý là đúng pháp luật.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Ngô Văn Ch, Đỗ Văn Ch1, Nguyễn Văn S, Bùi Văn Tr1, Phạm Văn S1, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Ngọc Qu, Đoàn Văn D, Bùi Ngọc Tr2, Nguyễn Văn Th4 phạm tội "Đánh bạc".

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Ngô Văn Ch 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 15 tháng 01 năm 2020). Giao bị cáo Ngô Văn Ch cho Ủy ban nhân dân xã SA, huyện V, tỉnh Thái Bình giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo

cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Phạt tiền bị cáo Ngô Văn Ch 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

2.2. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đỗ Văn Ch1 01 (một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 15 tháng 01 năm 2020). Giao bị cáo Đỗ Văn Ch1 cho Ủy ban nhân dân xã NX, huyện V, tỉnh Thái Bình giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Phạt tiền bị cáo Đỗ Văn Ch1 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

2.3. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 01 (một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 15 tháng 01 năm 2020). Giao bị cáo Nguyễn Văn S cho Ủy ban nhân dân xã NX, huyện V, tỉnh Thái Bình giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Phạt tiền bị cáo Nguyễn Văn S 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

2.4. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Bùi Văn Tr1 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 15 tháng 01 năm 2020). Giao bị cáo Bùi Văn Tr1 cho Ủy ban nhân dân xã NX, huyện V, tỉnh Thái Bình giám sát

giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Phạt tiền bị cáo Bùi Văn Tr1 7.000.000 đồng (bẩy triệu đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

2.5. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Văn S1 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 15 tháng 01 năm 2020). Giao bị cáo Phạm Văn S1 cho Ủy ban nhân dân xã SA, huyện V, tỉnh Thái Bình giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Phạt tiền bị cáo Phạm Văn S1 7.000.000 đồng (bẩy triệu đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

2.6. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 15 tháng 01 năm 2020). Giao bị cáo Nguyễn Văn T1 cho Ủy ban nhân dân xã NX, huyện V, tỉnh Thái Bình giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Phạt tiền bị cáo Nguyễn Văn T1 7.000.000 đồng (bẩy triệu đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

2.7. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Qu 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 15 tháng 01 năm 2020). Giao bị cáo Nguyễn Ngọc Qu cho Ủy ban nhân dân xã NX, huyện V, tỉnh Thái Bình giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Phạt tiền bị cáo Nguyễn Ngọc Qu 7.000.000 đồng (bẩy triệu đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

2.8. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đoàn Văn D 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 15 tháng 01 năm 2020). Giao bị cáo Đoàn Văn D cho Ủy ban nhân dân xã NX, huyện V, tỉnh Thái Bình giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Phạt tiền bị cáo Đoàn Văn D 7.000.000 đồng (bẩy triệu đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

2.9. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s, x khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Bùi Ngọc Tr2 01 (một) năm cải tạo không giam giữ, được trừ đi 04 (bốn) ngày đã bị tạm giữ từ ngày 13 tháng 9 năm 2019 đến ngày 17 tháng 9 năm 2019 tính bằng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã NX, huyện V, tỉnh Thái Bình nhận được bản án và quyết định thi hành bản án. Giao bị cáo Bùi Ngọc Tr2 cho Ủy ban nhân dân xã NX, huyện V, T1 Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt

cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo Bùi Ngọc Tr2 có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo Bùi Ngọc Tr2. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Bùi Ngọc Tr2. Bị cáo Bùi Ngọc Tr2 phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án Hình sự. Phạt tiền bị cáo Bùi Ngọc Tr2 7.000.000 đồng (bẩy triệu đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

2.10. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Th4 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 13 tháng 9 năm 2019 đến ngày 17 tháng 9 năm 2019. Phạt tiền bị cáo Nguyễn Văn Th4 7.000.000 đồng (bẩy triệu đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử:

3.1. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 17.510.000 đồng (mười bẩy triệu năm trăm mười nghìn đồng).

3.2. Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân và 01 chiếu cói có kích thước 2,1m x 1,6m (đều đã qua S1 dụng);

3.3. Trả lại bị cáo Nguyễn Văn T1 số tiền 2.850.000 đồng (hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Nguyễn Văn T1.

(Các vật chứng trên đã được chuyển đến cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình tại Biên lai thu tiền số 0003654 và Biên bản giao, nhận vật chứng đều đề ngày 09 tháng 01 năm 2020).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ngô Văn Ch, Đỗ Văn Ch1, Nguyễn Văn S, Bùi Văn Tr1, Phạm Văn S1, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Ngọc Qu, Đoàn Văn D, Bùi Ngọc Tr2, Nguyễn Văn Th4, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo Ngô Văn Ch, Đỗ Văn Ch1, Nguyễn Văn S, Bùi Văn Tr1, Phạm Văn S1, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Ngọc Qu, Đoàn Văn D, Bùi Ngọc Tr2, Nguyễn Văn Th4 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 15 tháng 01 năm 2020). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Bùi Văn Tr3 và bà Nguyễn Thị Tr4 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo và những người TGTT khác;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra và Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thùy Dương